| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ GIA NGHĨA**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thông và ông Đinh Xuân Đông.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị V, sinh năm 1983, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị V1; có chồng là Nguyễn Hoàng C (đã ly hôn) và 03 con (con lớn 23 tuổi, con nhỏ 13 tuổi); bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2023 đến ngày 06/02/2024 được thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh; hiện đang tại ngoại - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

- Anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào đầu năm 2021, Nguyễn Thị V thực hiện hành vi cho người khác vay tiền thu lãi với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm. Sau khi thống nhất thỏa thuận với người vay thì V sẽ đưa tiền mặt hoặc sử dụng các số tài khoản ngân hàng của V được mở tại ngân hàng V2 số 104831796666, ngân hàng V3 số 9363119119 và ngân hàng B số 63510000442548 để chuyển tiền cho người vay, đồng thời V cũng sử dụng các số tài khoản nêu trên để nhận tiền gốc, tiền lãi do người vay trả. Trong thời gian từ tháng 9/2021 đến tháng 9/2022, Nguyễn Thị V đã cho 03 cá nhân vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị H vay tổng số tiền giao dịch là 11.940.000.000 đồng với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm. Tổng số tiền lãi chị H phải trả là 5.524.400.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 929.698.630 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 4.594.701.370 đồng. Chị H đã trả số tiền gốc là 6.740.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.583.900.000 đồng, số tiền V đã thu lợi bất chính là 1.654.201.370 đồng, cụ thể như sau:

Vào các ngày 10/9/2021, 28/9/2021, 04/10/2021, 18/10/2021, 20/10/2021, 31/10/2021 chị H vay Vang tổng số tiền 4.840.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 25/01/2024, V và chị H thống nhất, tính số ngày vay, số tiền lãi chị H phải trả là 1.583.400.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 289.205.479 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 1.294.194.521 đồng. Chị H đã trả cho V số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi là 620.000.000 đồng, cụ thể vào các ngày 23/11/2021, 02/12/2021, 08/12/2021, 30/12/2021 chị H sử dụng số tài khoản 103533799999 chuyển tổng số tiền 520.000.000 đồng đến số tài khoản của V, ngày 20/10/2021, 18/12/2021, 15/01/2022 chị H sử dụng số tài khoản ngân hàng V3 0009012729999 chuyển tổng số tiền 1.100.000.000 đồng đến số tài khoản của V và ngày 25/01/2022 chị H đưa cho V số tiền mặt 1.000.000.000 đồng. Số tiền V đã thu lợi bất chính là 330.794.521 đồng, chị H còn nợ V số tiền gốc là 2.840.000.000 đồng và số tiền lãi là 963.400.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận, thống nhất thì tổng số tiền gốc và tiền lãi chị H còn phải trả cho V là 3.800.000.000 đồng, V nói chị H viết giấy vay với mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, đến ngày 01/9/2022 V và chị H tính số ngày vay là 240 ngày, số tiền lãi chị H phải trả cho V là 2.736.000.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 499.726.027 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 2.236.273.973 đồng. Chị H đã trả cho V số tiền lãi là 415.500.000 đồng vào các ngày 25/01/2022, 29/3/2022, 24/4/2022, 05/9/2022. Tổng số tiền chị H phải trả còn lại là 6.120.500.000 đồng, V bớt cho chị H số tiền 10.500.000 đồng còn lại số tiền 6.110.000.000 đồng, V yêu cầu chị H viết giấy vay tiền và không tính lãi suất.

Ngày 03/3/2022, chị H tiếp tục vay V số tiền 1.900.000.000 đồng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 23/3/2021, V và chị H tính số ngày đã vay là 21 ngày và số tiền lãi chị H phải trả cho V là 120.000.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 21.863.014 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là

98.136.986 đồng. Chị H đã trả tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 120.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 1.400.000.000 đồng thì chị H tiếp tục vay với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. Đến ngày 01/9/2022, chị H và V tính số ngày vay là 155 ngày và số tiền lãi chị H phải trả là 1.085.000.000 đồng, trong đó tiền tiền lãi pháp luật cho phép là 118.904.110 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 966.095.890 đồng. Chị H trả số tiền lãi là 465.000.000 đồng, còn nợ số tiền gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền lãi là 620.000.000 đồng. Vang yêu cầu chị H viết giấy vay tiền và không tính lãi suất (BL 102-104; 260-262).

2. Ngày 02/3/2023, anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1978, trú tại: tổ D, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông) vay Vang số tiền là 400.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 182,5%/năm. Đến ngày 05/12/2022, anh D và V tính số ngày vay là 279 ngày và số tiền lãi anh D phải trả là 558.000.000 đồng, trong đó tiền lãi pháp luật cho phép là 61.150.685 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 496.849.315 đồng. Anh D đã trả cho V số tiền gốc và tiền lãi là 310.000.000 đồng vào các ngày 17/3/2022, 11/7/2022, 02/3/2023, 31/5/2023, 25/6/2023, số tiền V đã thu lợi bất chính là 248.849.315 đồng. V yêu cầu anh D viết giấy vay tiền và không tính lãi suất (BL 130-132; 263-264).

3. Ngày 18/3/2022, anh Phạm Xuân Đ (sinh năm 1975, trú tại: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Nông) vay Vang số tiền là 500.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 109,5%/năm. Đến ngày 29/4/2022, anh Đ và V tính số ngày vay là 43 ngày và số tiền lãi anh Đ phải trả là 64.500.000 đồng, trong đó, tiền lãi pháp luật cho phép là 11.780.822 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 52.219.178 đồng. Anh Đ1 đã trả hết số tiền gốc và tiền lãi (BL 138-139; 263-264).

Như vậy, từ ngày 10/9/2021 đến ngày 18/3/2022, Nguyễn Thị V đã 11 lần cho 03 người dân vay tổng số tiền giao dịch là 12.840.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm. Tổng số tiền lãi người vay phải trả là 6.146.900.000 đồng. Trong đó, lãi pháp luật cho phép là 1.002.630.137 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 5.144.269.863 đồng. V đã thu được số tiền gốc là 7.640.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.958.400.000 đồng tiền lãi, trong đó đã thu lợi bất chính được số tiền là 1.955.769.863 đồng. Tổng số tiền gốc V sử dụng để cho vay là 4.840.000.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu (BL 69-70; 188):

- Nguyễn Thị V tự nguyện giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu HuynhDai Tuson, màu trắng, biển kiểm soát 48A 102.14.

- Đồ vật tạm giữ khi khám xét:

+ 01 cuốn sổ ngoài bia có in chữ "ELISE", màu hồng, gồm có 87 trang.

+ 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu xanh, gồm có 92 trang.

+ 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "EDOGAWA CONAN II", gồm có 67 trang.

+ 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "Hãy thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và giữ gìn trong từng nét chữ.", màu xanh, gồm có 35 trang.

+ 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "Hãy thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và giữ gìn trong từng nét chữ.", màu trắng, gồm có 79 trang.

+ 01 tờ giấy A4 nội dung đánh máy và viết tay, tiêu đề giấy vay tiền đề ngày 12/5/2022, Nguyễn Thị V cho Trương Thị Hoài N vay số tiền 2.300.000.000 đồng.

+ 01 tờ giấy A4 nội dung đánh máy và viết tay, tiêu đề giấy vay tiền đề ngày 5/12/2022, Nguyễn Thị V cho Nguyễn Văn D vay số tiền 820.000.000 đồng.

+ 01 tờ giấy ô ly nội dung chữ viết tay, tiêu đề giấy bán đất, đề ngày 24/6/2023 Nguyễn Thị H bán cho Nguyễn Thị V 02 thửa đất, có diện tích 9379 $m^2$ và 13.635 $m^2$ có số thửa 04 và 107, tờ bản đồ số 58, số CS 10432 và số CS 10430 cấp ngày 25/10/2021, trong đó Nguyễn Thị H đồng sở hữu cổ phần 50/50 với Ngô Văn D1, Nguyễn Thị H bán lại cổ phần 50/50 cho V với số tiền 3.000.000.000 đồng.

+ 02 giấy vay tiền nội dung đánh máy và chữ viết tay cùng đề ngày 01/9/2022, thể hiện nội dung Nguyễn Thị V cho Nguyễn Thị H vay 02 khoản tiền, trong đó 01 khoản vay là 6.110.000.000 đồng và 01 khoản vay là 2.380.000.000 đồng.

+ 02 hợp đồng vay tiền (bản in chữ đánh máy) gồm 02 trang, lập tại văn phòng C1 Nguyễn Văn T.

+ 01 tờ giấy ô ly thể hiện nội dung chữ viết tay có tiêu đề giấy cầm sổ đất đề ngày 29/6/2020.

+ 01 tờ giấy ô ly thể hiện nội dung chữ viết tay có tiêu đề giấy mượn tiền đề ngày 25/01/2019.

+ 01 tờ giấy ô ly thể hiện nội dung chữ viết tay có tiêu đề giấy mượn tiền đề ngày 11/11/2019.

+ 01 tờ giấy kẻ ngang thể hiện nội dung chữ viết tay tiêu đề giấy vay tiền đề ngày 17/8/2020.

+ 01 tờ giấy ô ly thể hiện nội dung chữ viết tay đề ngày 27/02/2019.

+ 01 túi hồ sơ bên trong 03 giấy vay tiền viết tay trên mẫu đánh máy; 01 hợp đồng đặt cọc viết tay trên mẫu đánh máy; 07 hợp đồng tiền được đánh máy; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI074036 (bản phô tô).

+ 01 túi hồ sơ bên trong có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 473824, 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0005246; 02 giấy vay tiền.

+ 01 túi đựng hồ sơ bên trong có 07 giấy vay tiền và 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất chữ viết tay.

+ 01 túi đựng hồ sơ bên trong có 12 tờ giấy A4, là bản mẫu giấy vay tiền.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS-GN ngày 27 tháng 5 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo của Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án,

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 400.000.000đ đến 500.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

*Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 48A 102.14; 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu xanh; 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "EDOGAWA CONAN II"; 02 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "Hãy thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và giữ gìn trong từng nét chữ."; 02 hợp đồng vay tiền (bản in chữ đánh máy); 04 tờ giấy ô ly đề ngày 29/6/2020, 25/01/2019, 11/11/2019, 27/02/2019; 01 tờ giấy kẻ ngang đề ngày 17/8/2020; 03 túi hồ sơ bên trong có các giấy tờ. Do không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 26/4/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 437/QĐ-CQĐT-ĐCSHS trả lai cho Nguyễn Thị V là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro M1 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 04 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Trương Thị Hoài N, 01 giấy bán đất của Nguyễn Thị H; 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu hồng; 01 túi đựng hồ sơ bên trong có 12 tờ giấy A4, là bản mẫu giấy vay tiền liên quan đến hành vi phạm tội lưu theo hồ sơ vụ án.

* Biện pháp tư pháp:

- Truy thu tổng số tiền gốc là 4.840.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định đã thu được là 1.002.630.137 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị V phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 1.955.769.863 đồng đã thu cho chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Phạm Xuân Đ.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác được lưu trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có cở sở xác định: Trong thời gian từ ngày 10/9/2021 đến ngày 18/3/2022, tại địa bàn thành phố G, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Thị V đã sử dụng số tiền 4.840.000.000 đồng để cho 03 người dân vay 11 lần với tổng số tiền giao dịch là 12.840.000.000 đồng, mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm vượt quá 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tổng số tiền lãi người vay phải trả là 6.146.900.000 đồng. Trong đó, lãi pháp luật cho phép là 1.002.630.137 đồng, tiền lãi trên 20%/năm là 5.144.269.863 đồng. Vang đã thu được 2.958.400.000 đồng tiền lãi, trong đó đã thu lợi bất chính được số tiền là 1.955.769.863 đồng.

Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

*Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*

*1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

*2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*……*

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, gây thiệt hại về tài sản cho người vay, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Với tình hình hiện nay các tội phạm về tài chính, tín dụng đen xuất hiện khá nhiều, ảnh xấu đến tình hình kinh tế của xã hội và bức xúc cho người dân nên xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Áp dụng Nghị Quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

và việc xét xử vụ án hình sự về "*tội cho vay lãi nặng*" trong giao dịch dân sự. "*Xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm thì xem xét áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính"*. Xét hành vi phạm tội của bị cáo, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chấp hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm đảm bảo chính sách của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 48A 102.14; 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu xanh; 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "EDOGAWA CONAN II"; 02 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "Hãy thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và giữ gìn trong từng nét chữ."; 02 hợp đồng vay tiền (bản in chữ đánh máy); 04 tờ giấy ô ly đề ngày 29/6/2020, 25/01/2019, 11/11/2019, 27/02/2019; 01 tờ giấy kẻ ngang đề ngày 17/8/2020; 03 túi hồ sơ bên trong có các giấy tờ. Do không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 26/4/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 437/QĐ-CQĐT-ĐCSHS trả lai cho Nguyễn Thị V là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro M1 dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 04 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Trương Thị Hoài N, 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu hồng; 01 túi đựng hồ sơ bên trong có 12 tờ giấy A4, là bản mẫu giấy vay tiền liên quan đến hành vi phạm tội cần lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 giấy bán đất của Nguyễn Thị H không liên quan đến nội dung vụ án, tại phiên toà bị cáo có yêu cầu trả lại nên HĐXX xét thấy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[8] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự,

- Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 4.840.000.000đ, trong đó truy thu của bị cáo Nguyễn Thị V số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo là 2.000.000.000đ, truy thu của Nguyễn Thị H số tiền gốc chưa trả cho bị cáo V là 2.840.000.000đ.

- Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 1.002.630.137 đồng.

- Trả lại cho người vay số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính là 1.955.769.863 đồng, cụ thể: trả lại cho Nguyễn Thị H 1.654.701.370 đồng; Nguyễn Văn D 248.849.315 đồng; Phạm Xuân Đ là 52.219.178 đồng.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính và phải có nghĩa vụ trả lại cho người liên quan là 1.955.769.863 đồng theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố G đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 437/QĐ-CQĐT-ĐCSHS trả lai cho Nguyễn Thị V đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 48A 102.14; 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu xanh; 01 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "EDOGAWA CONAN II"; 02 cuốn vở ô ly, ngoài bìa có in chữ "Hãy thể hiện sự tôn trọng, yêu thương và giữ gìn trong từng nét chữ."; 02 hợp đồng vay tiền (bản in chữ đánh máy); 04 tờ giấy ô ly đề ngày 29/6/2020, 25/01/2019, 11/11/2019, 27/02/2019; 01 tờ giấy kẻ ngang đề ngày 17/8/2020; 03 túi hồ sơ bên trong có các giấy tờ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max.

- Lưu theo hồ sơ vụ án đối với 04 giấy vay tiền của Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Trương Thị Hoài N, 01 cuốn sổ ngoài bìa có in chữ "ELISE", màu hồng; 01 túi đựng hồ sơ bên trong có 12 tờ giấy A4.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V 01 giấy bán đất của Nguyễn Thị H.

*(Có đặc điểm như tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra* Công an thành phố G *và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa ngày 30/5/2024).*

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự,

- Truy thu sung quỹ Nhà nước đối với khoản tiền gốc bị cáo dùng để cho vay là 4.840.000.000đ (*bốn tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng*), trong đó: Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị V số tiền gốc là 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*), truy thu của Nguyễn Thị H số tiền gốc chưa trả cho bị cáo V là 2.840.000.000đ (*hai tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Thị V số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 1.002.630.137 đồng (*một tỷ không trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị V trả lại cho người vay số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính là 1.955.769.863 đồng, cụ thể: Trả lại cho Nguyễn Thị H 1.654.701.370 đồng (*một tỷ sáu trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*); Nguyễn Văn D 248.849.315 đồng (*hai trăm bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng*); Phạm Xuân Đ là 52.219.178 đồng (*năm mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 70.673.000đ (*bảy mươi triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Công an thành phố Gia Nghĩa;
- CCTHADS thành phố Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến**